

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 01/02/2024.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Hồng Ngọc

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:*** Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024.

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 2003.

Địa chỉ: **Xóm N, xã O, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.**

- Bị đơn: Ông **Lê Quang M**, sinh năm: 1998

Nơi thường trú: **Số D, Tổ A, Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

(Bà **T**, ông **M** có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2023 và bản tự khai tại hồ sơ bà **Nguyễn Thị Hồng T** trình bày:**

Tôi với ông **Lê Quang M** tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn và đã được **UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 28/04/2022. Sau khi kết hôn cuộc sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu tính nhau, nhất là về lối sống, quan điểm sống không phù hợp, hai vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông **Lê Quang M.**

- **Về con chung:** Có 01 con là **Lê Minh K.**, sinh ngày 02/12/2022. Ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con. Ông **Lê Quang M** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) đến khi cháu trưởng thành, đồng thời trả viện phí cho những lần phẫu thuật tiếp theo của con.

- **Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về Nợ chung:** Tôi cam kết vợ chồng tôi không có nợ chung.

- **Về án phí:** Tôi xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

***Tại bản tự khai 16/01/2024 ông **Lê Quang M** trình bày:**

Tôi và bà **Nguyễn Thị Hồng T** tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được **UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 28/04/2022. Sau khi kết hôn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu tính nhau, nhất là về lối sống, quan điểm sống không phù hợp, hai vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nay bà **Nguyễn Thị Hồng T** yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý ly hôn với bà **Nguyễn Thị Hồng T**.

Về con chung: Có 01 con là **Lê Minh K.**, sinh ngày 02/12/2022. Ly hôn tôi đồng ý để bà **Nguyễn Thị Hồng T** trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con. Tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) đến khi cháu trưởng thành, đồng thời trả viện phí cho những lần phẫu thuật của con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà **Nguyễn Thị Hồng T** và ông **Lê Quang M** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà **Nguyễn Thị Hồng T** có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét bà **Nguyễn Thị Hồng T** và ông **Lê Quang M** là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về Nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Hồng T** và ông **Lê Quang M** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà **Nguyễn Thị Hồng T** và ông **Lê Quang M** sau khi kết hôn, chung sống với nhau hạnh phúc được

một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà **Nguyễn Thị Hồng T** xin ly hôn và ông **Lê Quang M** cũng đồng ý ly hôn để giải thoát cho nhau, vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của bà **Nguyễn Thị Hồng T**.

[2] Về con chung: Có 01 con là **Lê Minh K**, sinh ngày 02/12/2022. Ly hôn bà **Nguyễn Thị Hồng T** xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu ông **Lê Quang M** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) đến khi cháu trưởng thành, đồng thời trả viện phí cho những lần phẫu thuật tiếp theo của con. Ly hôn ông **Lê Quang M** cũng đồng ý giao con cho bà **Nguyễn Thị Hồng T** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông **Lê Quang M** đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) đến khi cháu trưởng thành, đồng thời trả viện phí cho những lần phẫu thuật tiếp theo của con nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà **Nguyễn Thị Hồng T** và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cùng việc thanh toán viện phí cho những lần phẫu thuật tiếp theo của con của bà **Nguyễn Thị Hồng T**. Giao con chung là cháu **Lê Minh K**, sinh ngày 02/12/2022 cho bà **Nguyễn Thị Hồng T** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông **Lê Quang M** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) đến khi cháu trưởng thành, đồng thời trả viện phí cho những lần phẫu thuật tiếp theo của con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông **Lê Quang M** được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà **Nguyễn Thị Hồng T** và ông **Lê Quang M** khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Bà **Nguyễn Thị Hồng T** và ông **Lê Quang M** khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị Hồng T** phải chịu tiền tạm ứng án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Nguyễn Thị Hồng T**. Bà **Nguyễn Thị Hồng T** được ly hôn với ông **Lê Quang M**.

- **Về con chung:** Giao con chung là **Lê Minh K**, sinh ngày 02/12/2022 cho bà **Nguyễn Thị Hồng T** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông **Lê Quang M** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) đến khi cháu trưởng thành, đồng thời trả viện phí cho những lần phẫu thuật tiếp theo của con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông **Lê Quang M** được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Bà **Nguyễn Thị Hồng T** và ông **Lê Quang M** khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- **Về nợ chung:** Bà **Nguyễn Thị Hồng T** và ông **Lê Quang M** không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà **Nguyễn Thị Hồng T** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **Nguyễn Thị Hồng T** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009484 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lê Hồng Ngọc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 32/2024/QĐ-SCBSQĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Biên Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ vào Điều 486 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung quyết định do lỗi đánh máy trong phần quyết định của bản án số bản án số 37/2024/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 2003.

Địa chỉ: **Xóm N, xã O, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.**

- Bị đơn: Ông **Lê Quang M**, sinh năm: 1998

Nơi thường trú: **Số D, Tổ A, Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số 37/2024/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai như sau:

Tại dòng thứ 11,12 trang thứ tư từ trên đếm xuống của phần Quyết định của bản án đã ghi:

“...**Nguyễn Thị Hồng T**, đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009484 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

“...**Nguyễn Thị Hồng T**, đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0002086** ngày **08 tháng 01 năm 2024** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Chi cục THA TP Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Hồng Ngọc